

BIỂU MẪU CÔNG KHAI

(Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Biểu mẫu 01

TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG TP. HCM TRƯỜNG MẦM NON THỰC HÀNH

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non

Năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Nhà trẻ (18 – 36 tháng)	Mẫu giáo (3 – 5 tuổi)
I	Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Hoàn thành mục tiêu chăm sóc, nuôi dưỡng theo chương trình giáo dục mầm non hiện hành. - Khẩu phần dinh dưỡng của trẻ tại trường đạt: 60-70% nhu cầu năng lượng cả ngày (cả ngày 930 – 1000 kcal). - Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng (đạm; đường, béo, vitamin và khoáng chất) cân đối, hợp lí. - Chế độ ăn của trẻ được chế biến, phân chia phù hợp với nhu cầu của độ tuổi nhà trẻ. - Tỷ lệ trẻ SDD thể nhẹ cân đầu năm: 2/227 trẻ (0,8%). Dự kiến giảm tỉ lệ suy dinh dưỡng SDD thể nhẹ cân vào cuối năm còn 0/229 trẻ (0 %) - SDD thể thấp còi: không có - Tỉ lệ dư cân, béo phì đầu năm: không có	- Hoàn thành mục tiêu chăm sóc, nuôi dưỡng theo chương trình giáo dục mầm non hiện hành - Khẩu phần dinh dưỡng của trẻ tại trường đạt: 50 - 55% nhu cầu năng lượng cả ngày. (cả ngày 1230 – 1320 kcal). - Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng (đạm; đường, béo, vitamin và khoáng chất) cân đối, hợp lí. - Chế độ ăn của trẻ được chế biến, phân chia phù hợp với nhu cầu của độ tuổi mẫu giáo. - Tỷ lệ trẻ SDD thể nhẹ cân đầu năm: không có - SDD thể thấp còi: không có - Tỉ lệ trẻ dư cân, béo phì đầu năm 17/227 (7.4%). Dự kiến giảm tỉ lệ dư cân, béo phì vào cuối năm còn 5/227 (2%).

		- Trẻ được khám sức khỏe định kì 1 lần /năm. - Tổ chức cho trẻ xổ giun định kì 2 lần/ năm (với trẻ từ 24 tháng trở lên). - 100% được uống bổ sung vitamin A 2 lần/ năm. - Theo dõi cân nặng hàng tháng và chiều cao 3 tháng/ lần. - Trường trang bị đầy đủ các dụng cụ phục vụ cho việc vệ sinh cá nhân và ăn uống của trẻ.	- Trẻ được khám sức khỏe định kì 1 lần /năm. - Tổ chức cho trẻ xổ giun định kì 2 lần/ năm - Theo dõi cân nặng 3 tháng/ lần và chiều cao 6 tháng/ lần. - Trường trang bị đầy đủ các dụng cụ phục vụ cho việc vệ sinh cá nhân và ăn uống của trẻ.
--	--	--	--

II	Mức độ về năng lực hành vi mà trẻ em sẽ đạt được.	* <u>Mức độ về năng lực:</u> - Thích tìm hiểu khám phá về thế giới xung quanh. - Có khả năng quan sát, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản. - Có khả năng bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. - Nói một vài đặc điểm nổi bật của các đối tượng quen thuộc, lấy và cất đồ dùng theo yêu cầu.	* <u>Mức độ về năng lực:</u> - Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phân biệt, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định ... và giải quyết vấn đề đơn giản theo những kiểu khác nhau. -Trẻ có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau: hành động, hình ảnh, lời nói... với ngôn ngữ nói. - Có khả năng xem xét và tìm hiểu đặc điểm của sự vật hiện tượng. - Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản. - Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau: + Mô tả nhận xét trò chuyện và thảo luận về đặc điểm sự khác nhau của các đối tượng. + Thể hiện hiểu biết về đối tượng thông qua hoạt động chơi, âm nhạc,
-----------	--	---	--

		tạo hình... - Trẻ làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán. - Trẻ khám phá về xã hội * <u>Mức độ về hành vi:</u> - Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn... - Thực hiện một số qui định đơn giản trong sinh hoạt của nhóm lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ dùng cá nhân, đồ chơi vào nơi quy định.	tạo hình... - Trẻ làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán. - Trẻ khám phá về xã hội * <u>Mức độ về hành vi:</u> - Trẻ có một số hành vi tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe. - Trẻ thể hiện hành vi và quy tắc ứng xử xã hội: + Thực hiện một số qui định của lớp, gia đình và nơi công cộng + Biết chờ đến lượt, lễ phép, chú ý lắng nghe, biết cùng trao đổi với bạn và giải quyết mâu thuẫn. - Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm chia sẻ. - Thể hiện một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	Thực hiện chương trình giáo dục Mầm non 1. <u>Phát triển thể chất:</u> - Có một số tố chất vận động ban đầu (nhẹ nhàng, khéo léo, thăng bằng cơ thể). - Có khả năng phối hợp khéo léo vận động tay-mắt, tay, chân, cơ thể. - Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động. - Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.	Thực hiện chương trình giáo dục Mầm non 1. <u>Phát triển thể chất:</u> - Thực hiện các vận động cơ bản một cách vững vàng đúng tư thế. - Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. - Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe. - Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

		- Dự kiến chỉ tiêu đạt: 90% 2. <u>Phát triển nhận thức:</u> - Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh. - Có sự nhạy cảm của các giác quan. - Có khả năng quan sát nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản. - Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.	Dự kiến chỉ tiêu đạt: 90% 2. <u>Phát triển nhận thức:</u> ❖ <u>3 - 4 tuổi</u> - Trẻ ham hiểu biết, thích tìm tòi, khám phá sự vật, hiện tượng xung quanh về: bản thân, thực vật, động vật, phương tiện giao thông.... - Có khả năng nhận biết, so sánh, phân loại, phân biệt ... và giải quyết vấn đề đơn giản theo những kiểu khác nhau. - Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh ❖ <u>4 - 6 tuổi</u> - Trẻ ham hiểu biết, thích tìm tòi, khám phá sự vật, hiện tượng xung quanh về: bản thân, thực vật, động vật, phương tiện giao thông... Hay đặt câu hỏi: Tại sao? Để làm gì? Làm như thế nào? Khi nào? - Trẻ quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định khi tham gia các hoạt động. - Trẻ có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những kiểu khác nhau - Phân biệt được một số đặc điểm giống và khác nhau của bản thân so với người khác - Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo qui tắc sắp xếp theo quy tắc hình dạng... - Trẻ có một số hiểu biết về số, số đếm và đo. - Trẻ nhận biết một số hình học: hình tròn, vuông, tam giác, chữ nhật, thoi, tứ giác theo yêu cầu
--	--	--	--

		và định hướng trong không gian. - Trẻ có một số nhận biết ban đầu về thời gian: Nói ngày trên lược lịch và giờ đúng, giờ rưỡi trên đồng hồ, sáng, trưa, chiều, tối. - Có một số nhận biết về khám phá khoa học như: Các bộ phận cơ thể con người; Đồ vật; Động vật; Thực vật; Một số hiện tượng tự nhiên. - Có một số nhận biết về khám phá xã hội như: Bản thân, gia đình, trường mầm non; Một số nghề trong xã hội: Lính cứu hỏa, tạo mẫu tóc, cô giáo, nông dân về nơi làm việc, công việc, đồ dùng làm việc. Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ, sự kiện văn hóa: Tòa nhà Bitexco, Hàm thủ thiêm, tết trung thu, 20/10, 20/11, Noel, 8/3, sinh nhật Bác 19/5 về: ý nghĩa, xác định ngày trên lịch, các hoạt động trong các ngày lễ. Dự kiến chỉ tiêu đạt: 90% 3. <u>Phát triển ngôn ngữ:</u> - Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói. - Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ. - Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói. - Hồn nhiên trong giao tiếp	Dự kiến chỉ tiêu đạt: 90% 3. <u>Phát triển ngôn ngữ:</u> - Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói giao tiếp hằng ngày. - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...) - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hằng ngày. - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp độ tuổi. - Có một số kỹ năng ban đầu về đọc viết.
--	--	---	---

		Dự kiến chỉ tiêu đạt: 90% <u>4. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ:</u> - Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi. - Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi. - Thực hiện được một số hành vi xã hội đơn giản trong sinh hoạt. - Thể hiện cảm xúc qua nghe hát, hát và vận động theo nhạc; vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện Dự kiến chỉ tiêu đạt: 90%:	Dự kiến chỉ tiêu đạt: 90% <u>4. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội:</u> - Có ý thức về bản thân, - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. - Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm chia sẻ. - Thực hiện một số quy tắc quy định ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi. Dự kiến chỉ tiêu đạt: 90%: <u>5. Phát triển thẩm mỹ:</u> - Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật. - Có khả năng thể hiện cảm xúc sáng tạo trong hoạt động âm nhạc, tạo hình. - Yêu thích hào hứng tham gia các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp. Dự kiến chỉ tiêu đạt: 90%
IV	Các hoạt động hỗ trợ CS_GD trẻ ở cơ sở giáo dục MN	❖ Tổ chức sự kiện - Lễ hội: Mừng ngày 8-3, mừng ngày sinh nhật Bác Hồ, tổng kết năm học và tiễn khối Lá ra trường. ❖ Tổ chức các hoạt động ngoại khóa: Vận động theo nhạc, Làm quen tiếng Anh (Amanda and friends); trò chơi Kidsmart; vận dụng PP Montessori, tạo hình sáng tạo; 10 môn thể thao phối hợp (GoKids việt nam).	

Quận 10, ngày ... tháng ... năm 2023
Thủ trưởng đơn vị

TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG TP. HCM
TRƯỜNG MẦM NON THỰC HÀNH

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ		Mẫu giáo		
			18-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	227	9	43	48	53	74
1	Số trẻ em nhóm ghép						
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày						
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	227	9	43	48	53	74
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	11	0	2	2	6	1
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú						
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	227					
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	227	9	43	48	53	74
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em						
1	Số trẻ cân nặng bình thường	208					
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	2					
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	227					
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	0					
5	Số trẻ thừa cân béo phì	17					
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	227					
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	52	9	43			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	175			48	53	74

Ghi chú: Cập nhật SS trẻ ngày 29/04/2022

Quận 10, ngày 5 tháng 5 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10
TRƯỜNG MẦM NON THỰC HÀNH

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
năm học 2021 – 2022**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	17	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	10	2 m ² /trẻ em
2	Phòng học bán kiên cố	4	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²).	681.1	3m²/trẻ em
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	598	2,6m²/trẻ em
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	157.6	
2	Diện tích lớp học (m ²)	735.8	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	89.1	
4	Diện tích sân chơi (m ²)		
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	0	
6	Diện tích phòng Hoạt động âm nhạc (m ²)	0	
7	Diện tích phòng chơi Kidsmart (m ²)	40	
8	Diện tích Thư viện (m ²)	0	
9	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	68	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	10	10 bộ/10 nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	10	10 bộ/10 nhóm (lớp)
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	

VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	39	39 bộ/4 sân chơi (trường)			
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	25				
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)			
1	Ti vi	12	1			
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	10	1			
3	Máy PHOTO COPY	0				
5	Catsset	10	1			
6	Thiết bị khác	17				
7	Bàn ghế đúng quy cách	100 bộ				
8	Camera an ninh	02 hệ thống (TC 28 cam)				
XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4	89.1		0, 39	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
..			

Quận 10, ngày 05 tháng 05 năm 2022
Thủ trưởng đơn vị

